



BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tài chính - Ngân hàng 1 - K13

Môn thi: Cr-DTC2 (Bóng chuyền) Lần thi: 2 Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Học kỳ: 1 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 17/04 Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Cán bộ giảng dạy: Đào Hào Phương Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Tổng số bài: 15 Số tờ: _____ Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110140001	Nguyễn Ngọc Thiên	An	08/10/1993					
2	1110140002	Hồ Thúy	An	27/09/1992					
3	1110140003	Nguyễn Kim	Anh	07/05/1993					
4	1110140004	Trần Ngọc	Anh	10/08/1993	Anh	5	5	5	
5	1110140005	Phạm Việt	Anh	08/11/1993	Anh	6	6	6	
6	1110140006	Võ Lê Quỳnh	Anh	17/12/1993					
7	1110140007	Trần Thị Kim	Anh	09/08/1993	Anh	5	7	6	
8	1110140008	Trần Nam	Anh	03/12/1993	Anh	3	8	7	
9	1110140009	Thân Thị Vân	Anh	26/03/1992					
10	1110140010	Hoàng Vũ Ngọc	Anh	22/01/1993					
11	1110140011	Trần Lê Việt	Xi	18/12/1993					
12	1110140012	Nguyễn Quốc	Bảo	08/04/1993					
13	1110140013	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	21/09/1993					
14	1110140014	Nguyễn Duy	Biên	21/01/1992					
15	1110140015	Võ Tấn Thanh	Bình	19/07/1992					
16	1110140016	Phan Thiên	Bình	14/01/1993					
17	1110140017	Tạ Thị Công	Bữu	18/03/1992					
18	1110140018	Lương Gia	Bữu	30/08/1993					
19	1110140019	Nguyễn Trường	Ca	05/06/1993					
20	1110140020	Lê Thị	Carôven	20/04/1993					
21	1110140021	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	13/11/1992					
22	1110140022	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	03/12/1992					
23	1110140023	Nguyễn Ngọc	Chánh	20/11/1993					

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
24	1110140024	Huỳnh Kim	Chi	22/10/1993					
25	1110140025	Phạm Thị Quế	Chi	06/04/1993					
26	1110140026	Trần Mỹ	Chi	17/07/1993					
27	1110140027	Nguyễn Thị Kim	Chi	14/11/1993	<i>Kim</i>	6	6	6	
28	1110140028	Phạm Bảo	Cường	22/04/1993					
29	1110140029	Vũ Thế	Cường	25/02/1992					
30	1110140030	Nguyễn Phi	Cường	06/12/1993	<i>Phi</i>	6	6	6	
31	1110140031	Nguyễn Mạnh	Cường	06/12/1992					
32	1110140032	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	01/01/1993					
33	1110140033	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	29/03/1993					
34	1110140034	Lê Hoàng	Diệu	29/08/1988					
35	1110140035	Trần Thị Trùng	Dương	07/05/1993					
36	1110140036	Phan Thị Phương	Dung	25/12/1993					
37	1110140037	Đoàn Thị Kim	Dung	19/03/1993					
38	1110140038	Hồ Thị Ngọc	Dung	16/06/1993					
39	1110140039	Phạm Thị Thùy	Dung	18/10/1993	<i>Thùy</i>	4	5	5	
40	1110140040	Nguyễn Thị Thư	Dung	12/06/1993					
41	1110140041	Nguyễn Thị Thanh	Dung	02/03/1993					
42	1110140042	Dương Thị Kim	Dung	02/09/1993					
43	1110140043	Đặng Thị Ngọc	Duyên	20/09/1992	<i>Ngọc</i>	6	6	6	
44	1110140044	Phan Thị Mỹ	Duyên	19/09/1992					
45	1110140045	Trịnh Thị	Duyên	02/08/1993					
46	1110140046	Võ Mạnh	Gia	25/07/1991					
47	1110140047	Nguyễn Lê	Giang	24/03/1993					
48	1110140048	Nguyễn Trúc	Giang	31/05/1993					
49	1110140049	Tạ Thu	Hằng	01/05/1993					
50	1110140050	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	06/09/1992					
51	1110140051	Nghiêm Thị Diệu	Hằng	02/07/1992	<i>Diệu</i>	5	6	6	
52	1110140052	Bùi Thái Thanh	Hằng	05/01/1993					
53	1110140054	Nguyễn Thị	Hạnh	25/06/1992					
54	1110140055	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/04/1993					
55	1110140056	Lê Thị Thu	Hà	16/09/1993					
56	1110140057	Phan Bá	Hào	05/06/1993					

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
57	1110140058	Đoàn Thị Hằng	Hải	07/12/1993					
58	1110140059	Doãn Hoàng	Hải	09/05/1992					
59	1110140060	Lâm Trí	Hải	06/12/1993					
60	1110140061	Đặng Ngọc	Hảo	27/10/1993					
61	1110140062	Võ Thị Trúc	Hiền	06/02/1992					
62	1110140063	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/10/1993					
63	1110140064	Đinh Thúy	Hiền	20/12/1993					
64	1110140065	Lê Thị Thanh	Hiếu	11/12/1993					
65	1110140066	Lê Ngọc	Hiếu	20/05/1993					
66	1110140067	Phạm Minh	Hiếu	25/02/1990					
67	1110140068	Nguyễn Dương Phương	Hoa	13/01/1993	Hoa	5	5	5	
68	1110140069	Phan Thị	Hồng	10/02/1992					
69	1110140070	Nguyễn Minh	Hoài	19/11/1992					
70	1110140071	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	28/05/1993	Kim	5	5	5	
71	1110140072	Phạm Huy	Hoàng	30/07/1993					
72	1110140073	Võ Văn	Hơn	01/03/1993					
73	1110140074	Nguyễn Ngọc	Hưng	05/10/1993					
74	1110140075	Bùi Thị Hải	Hòa	28/10/1992					
75	1110140076	Trần Văn	Hòa	08/08/1993					
76	1110140077	Trần Thị Thu	Hương	14/06/1993					
77	1110140078	Huỳnh Thị Kim	Hương	27/05/1993	Huỳnh	5	5	5	
78	1110140079	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/03/1993					
79	1110140080	Võ Thị Kim	Huệ	13/10/1993					
80	1110140081	Mai Quốc	Huy	23/10/1992					
81	1110140082	Ngô Thị Ngọc	Huyền	10/08/1993					
82	1110140083	Trần Nữ Đỗ	Huỳnh	08/09/1993					
83	1110140084	Tô Nguyễn	Kha	10/02/1993					
84	1110140085	Nguyễn Thị Mai	Kha	19/06/1993					
85	1110140086	Nguyễn Kim Hoàng	Kha	02/07/1993					
86	1110140087	Phạm Hoàng	Khang	14/06/1993					
87	1110140088	Lê Văn	Khang	25/06/1993	Phạm	4	7	6	
88	1110140089	Nguyễn Dương	Khang	02/04/1993					
89	1110140090	Bùi Dân	Khánh	20/05/1993					

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
90	1110140091	Lữ Hoàng Sỹ	Khánh	23/05/1993					
91	1110140092	Hoàng Nam	Khánh	26/06/1992					
92	1110140093	Trương Châu Minh	Khôi	06/07/1993					
93	1110140094	Đặng Tường Duy	Khương	25/04/1993					
94	1110140095	Phạm Trần Anh	Kiệt	09/09/1993					
95	1110140096	Dương Thị Thanh	Kiều	12/03/1993					
96	1110140097	Huỳnh Thị Thiên	Kim	16/10/1993					
97	1110140098	Cao Ngọc	Lâm	19/12/1993					
98	1110140099	Nguyễn Hồng Thụy	Lan	15/09/1993					
99	1110140100	Lê Thị	Lãnh	26/03/1993	Lãnh	3	6	5	
100	1110140101	Nguyễn Thị Huỳnh	Lê	27/02/1993					
101	1110140102	Trần Đào	Lệ	23/07/1993					
102	1110140104	Trần Thị	Liên	21/05/1993					
103	1110140105	Đào Thị Bích	Liều	14/06/1993	Liều	3	7	6	
104	1110140106	Vũ Thị Trúc	Linh	06/06/1993					
105	1110140107	Trần Thị Bạch	Mai	25/04/1993					
106	1110140108	Thái Võ Minh	Đạt	25/07/1993					
107	1110140109	Thái Thị Minh	Nguyệt	29/01/1993					
108	1110140110	Lưu Văn	Đồng	04/10/1993					
109	1110140111	Phạm Hữu	Đức	30/11/1993					
110	1110140112	Nguyễn Minh	Đức	15/04/1992					
111	1110140113	Lê Trần Mỹ	Đức	18/04/1993					
112	1110140114	Võ Hữu Minh	Tân	03/05/1993					
113	1110140115	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/02/1993					

Ngày 17 tháng 04 năm 2012